

Thanh Hoá, ngày 17 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế công bố thông tin của
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT PTSC THANH HOÁ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa đã được Đại hội cổ đông thông qua ngày 12/5/2023;

Xét tờ trình số 1917/TTr-TH ngày 09/11/2023 của Giám đốc PTSC Thanh Hóa về việc ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa ;

Căn cứ vào bản tổng hợp phiếu lấy ý kiến các Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Trưởng các Phòng/Xưởng, cá nhân có liên quan của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

m Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban Kiểm soát;
- Các Phòng/Xưởng;
- CEO, ĐTN, Chi hội CCB;
- Lưu: VT, Thư ký cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



LÊ VĂN NGÀ

TH-DOC-WI01-FM01



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT PTSC THANH HÓA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2014/QĐ-TH-HĐQT ngày 17/11/2023)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa quy định việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Công ty, đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành đối với công ty đăng ký giao dịch và trách nhiệm, nghĩa vụ phối hợp, cung cấp thông tin công bố của các Bộ phận, tổ chức, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác có liên quan trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa;
- b) Người công bố thông tin của Công ty;
- c) Tổ chức, cá nhân phát sinh thông tin thuộc diện phải công bố, có liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Công ty.

Điều 2. Định nghĩa và viết tắt

1. Định nghĩa:

- 1.1. “Người công bố thông tin của Công ty”: theo quy định tại Điều 4 Quy chế này.
- 1.2. Tổ chức, cá nhân phát sinh thông tin thuộc diện phải công bố, có liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Công ty, bao gồm các đối tượng sau:

- “Người có liên quan của Công ty” là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- a) Công ty và người nội bộ của Công ty;
- b) Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Công ty;
- c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
- d) Bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Người nội bộ của Công ty;
- e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
- f) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Quy định hiện hành.

- “Người nội bộ của Công ty” là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty, bao gồm:

- + Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, các chức danh quản lý tương đương do ĐHCĐ bầu;
- + Trưởng Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên;
- + Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty, Người công bố thông tin của Công ty.

- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

1.3. “Ngày công bố thông tin” là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy chế này.

1.4. “Ngày báo cáo về việc công bố thông tin” là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm loại thông tin nào đến trước.

1.5. “Thông tin phải công bố” là các thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với công ty đại chúng đăng ký giao dịch, bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin phải công bố theo Danh mục tại Phụ lục kèm theo Quy chế này :

- a) Danh mục công bố thông tin định kỳ;
- b) Danh mục công bố thông tin bất thường trong 24 giờ;
- c) Danh mục công bố thông tin theo yêu cầu, thông tin về các hoạt động khác của Công ty;
- d) Danh mục công bố thông tin đối với các đối tượng là Người nội bộ của Công ty; người có liên quan của người nội bộ; cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

2. Viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa
- Quy chế CBTT, Quy chế : Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa
- TTCK : Thị trường chứng khoán
- UBCKNN, SSC : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- IDS-PRO : Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN
- Sở GDCK Việt Nam : Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở GDCK Hà Nội, HNX : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- CIMS : Hệ thống quản lý thông tin công ty của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- TICILKCK, VSDC : Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
- ĐHCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- CBTT : Công bố thông tin

- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- GD : Giám đốc
- BGĐ : Ban Giám đốc
- KTT : Kế toán trưởng
- Người CBTT Công ty : Người công bố thông tin của Công ty
- NNB : Người nội bộ
- NCLQ : Người có liên quan

Các định nghĩa, viết tắt khác không nêu trong Quy chế này thì áp dụng theo các quy định hiện hành của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị nội bộ Công ty và Sổ tay Hệ thống quản lý Sức khỏe An toàn Môi trường Chất lượng, quy định nội bộ khác của Công ty.

Điều 3. Quy định chung về việc thực hiện công bố thông tin

1. Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác, kịp thời, tuân thủ quy định hiện hành. Thông tin công bố cần phải rõ ràng, dễ hiểu.

2. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

3. Các đối tượng nêu tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này có trách nhiệm theo quy định hiện hành về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

4. Khi CBTT, Công ty phải đồng thời báo cáo UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội liên quan về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 2 Điều này và các đối tượng CBTT không đồng ý công khai các thông tin này thì Công ty phải gửi UBCKNN và Sở GDCK Hà Nội hai (02) bản tài liệu, trong đó một (01) bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và một (01) bản rút gọn, không bao gồm thông tin cá nhân.

5. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ, Công ty vẫn thực hiện CBTT trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

Điều 4. Người công bố thông tin của Công ty

1. Người CBTT Công ty là Người đại diện theo pháp luật của Công ty (GD) hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin.

2. Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về Người CBTT Công ty cho UBCKNN và Sở GD&ĐT Hà Nội trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi việc thay đổi Người CBTT Công ty có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (trong trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật); Giấy ủy quyền CBTT (trong trường hợp thay đổi Người được ủy quyền công bố thông tin); Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định hiện hành.

3. Người CBTT Công ty có chức năng và nhiệm vụ như sau:

- Trung thực, trách nhiệm, cẩn trọng, mẫn cán, có kiến thức, kinh nghiệm về việc CBTT trên TTCK.

- Chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền CBTT đều không thể thực hiện việc CBTT thì HĐQT chỉ định 01 người chịu trách nhiệm CBTT.

- Cập nhật thường xuyên, liên tục Danh mục các thông tin cần công bố tại Phụ lục kèm theo Quy chế này; thông báo đến các đối tượng áp dụng Quy chế này các thay đổi, cập nhật liên quan đến các thông tin cần công bố.

- Tiếp nhận các thông tin liên quan cần công bố, sàng lọc và thực hiện công bố theo quy định. Từ chối tiếp nhận thông tin và không công bố đối với các thông tin công bố sai biểu mẫu, không chính xác, giả mạo, thông tin không thuộc phạm vi thực hiện CBTT theo quy định của pháp luật.

- Theo dõi, giải trình kịp thời các cơ quan liên quan các vấn đề liên quan đến việc tuân thủ các quy định về CBTT khi được yêu cầu.

- Bảo quản, bảo mật thông tin về Chữ ký số của Công ty phục vụ CBTT.

- Công khai số điện thoại làm việc để các bên liên quan liên hệ.

- Tổng hợp, kiểm tra, phê duyệt, đối chiếu và soạn thảo văn bản CBTT; kiểm soát, lưu trữ tài liệu CBTT.

Điều 5. Tài liệu công bố thông tin

1. Đối với tài liệu dưới hình thức văn bản giấy: Văn bản giấy phải đầy đủ nội dung và hợp lệ theo quy định của pháp luật. Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ và phù hợp các yêu cầu sau:

a) Đối với văn bản giấy của cá nhân: Văn bản có họ tên, chữ ký của cá nhân.

b) Đối với văn bản giấy của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền, bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu.

2. Đối với tài liệu dưới hình thức văn bản, dữ liệu điện tử:

a) Bản chụp (scan) văn bản dùng CBTT phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ và được gửi đến từ địa chỉ email, ứng dụng xác thực được chính xác danh tính người gửi.

b) Dữ liệu điện tử dùng CBTT là dữ liệu có định dạng doc/docx/xls/xlxs/pdf (sử dụng bảng mã Unicode).



c) Trong một số trường hợp đặc biệt, Sở GDCK Hà Nội có quy định khác về định dạng thông tin công bố thì Công ty thực hiện theo yêu cầu của Sở GDCK Hà Nội.

Điều 6. Phương tiện công bố thông tin của Công ty

| STT | Nơi tiếp nhận thông tin | Phương tiện CBTT |
|------------|--|--|
| 1 | Công ty | Trang thông tin điện tử (website) của Công ty: https://ptscthanhhhoa.com.vn . Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu. Công ty phải thông báo với UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội, các bên liên quan về việc lập, thay đổi địa chỉ Trang thông tin điện tử trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập hoặc thay đổi này |
| 2 | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước | Hệ thống CBTT của UBCKNN - IDS Pro. |
| 3 | Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội | Hệ thống CIMS. |
| 4 | Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp | Trang thông tin điện tử của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. |
| 5 | | Báo in, báo điện tử, v.v |

Điều 7. Ngôn ngữ công bố thông tin

1. Ngôn ngữ thông tin công bố trên TTCK của Công ty là tiếng Việt.
2. Trong trường hợp cần thiết, Công ty thực hiện CBTT bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Nội dung thông tin công bố bằng tiếng Anh chỉ mang tính tham khảo. Trường hợp có sự khác biệt giữa nội dung tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

Điều 8. Trách nhiệm cung cấp thông tin

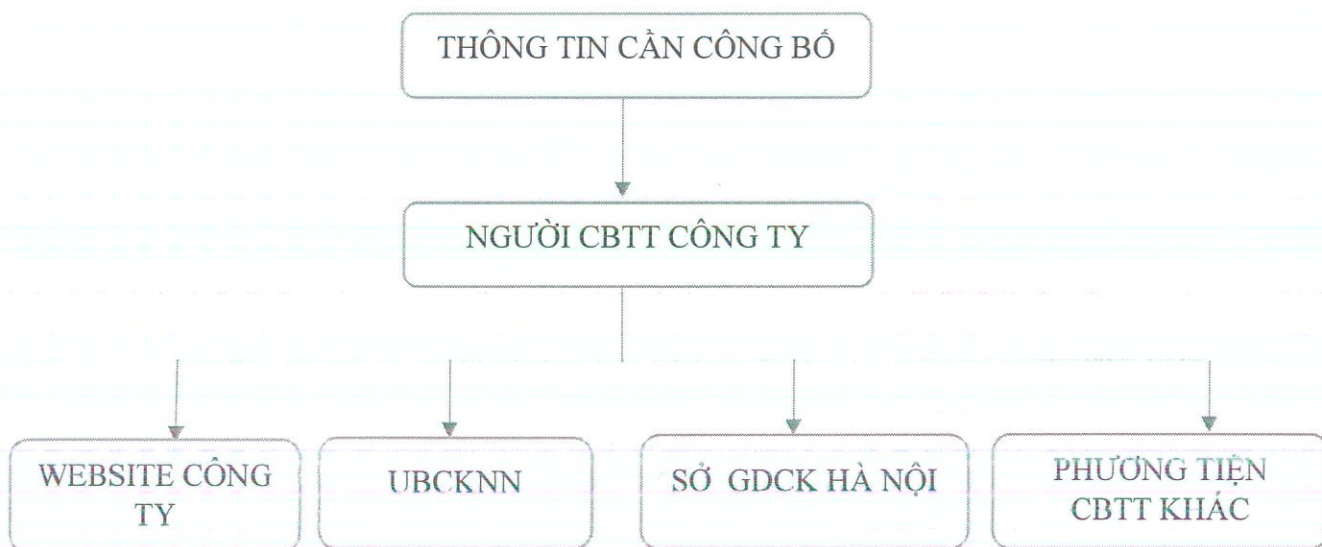
1. Căn cứ Danh mục thông tin cần công bố như Phụ lục kèm theo, Trưởng các Bộ phận (nơi phát sinh thông tin thuộc diện phải công bố) có trách nhiệm, nghĩa vụ cung cấp kịp thời các thông tin phát sinh từ bộ phận mình quản lý thuộc diện phải công bố, chịu trách nhiệm về tính chính xác để Người CBTT Công ty thực hiện việc công bố theo quy định. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu, các Bộ phận có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Người CBTT Công ty trong vòng ba (03) giờ kể từ khi phát sinh sự kiện bất thường hoặc nhận được yêu cầu từ Người CBTT Công ty.

2. Đối với các thông tin chưa rõ ràng, chưa chính xác, Người CBTT Công ty cần phản hồi, làm rõ, thống nhất với các Bộ phận, cá nhân có liên quan trong vòng năm (05) giờ kể từ khi tiếp nhận thông tin để đảm bảo thông tin công bố chuẩn xác, đúng, đủ, tuân thủ quy định hiện hành.

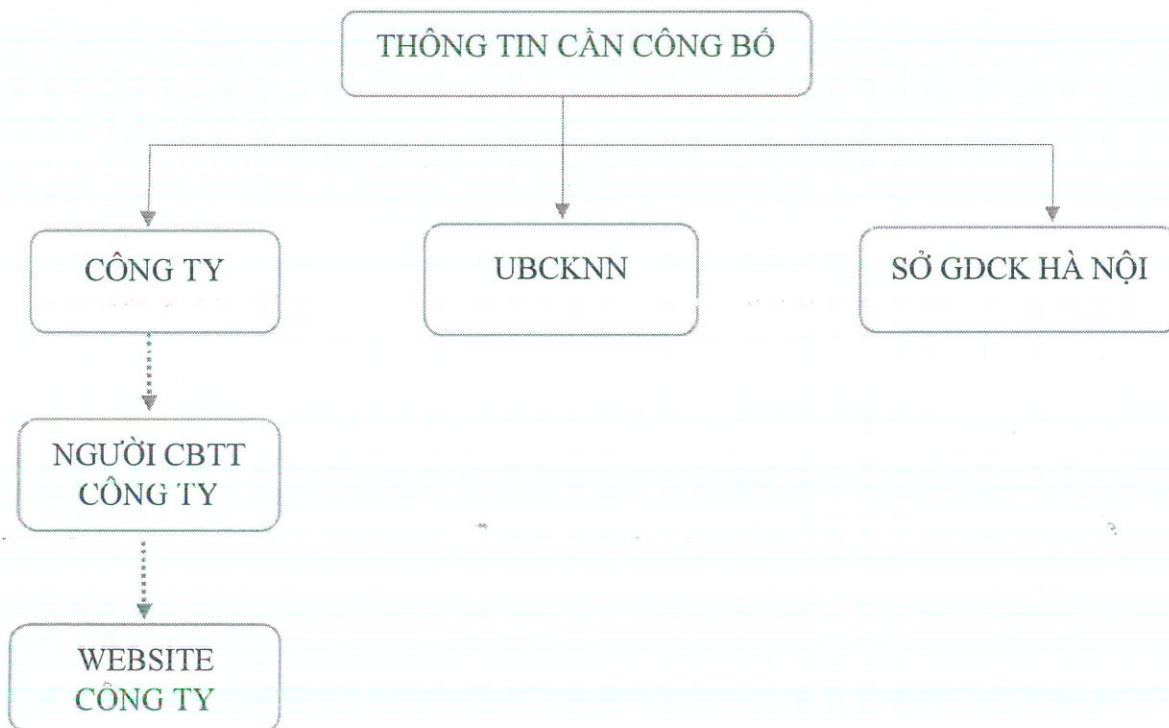
3. Các cá nhân là Người nội bộ của Công ty cung cấp đầy đủ, cập nhật kịp thời khi phát sinh các thông tin của Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ theo quy định cho Người CBTT Công ty để thực hiện công bố, báo cáo đến các bên liên quan theo quy định tại Quy chế này và pháp luật hiện hành.

Điều 9. Lưu đồ thực hiện công bố thông tin

1. Đối với các đối tượng thuộc điểm a, b khoản 2 Điều 1 Quy chế này:



2. Đối với đối tượng thuộc điểm c khoản 2 Điều 1 Quy chế này:



Ghi chú: —> : Gửi trực tiếp Công ty, UBCKNN và Sở GDCK Hà Nội

-----> : Người CBTT Công ty tiếp nhận thông tin, thực hiện rà soát và công bố lên Website Công ty.

3. Bảo quản và lưu trữ thông tin sau khi CBTT:

Thông tin sau khi đã được thực hiện CBTT và báo cáo sẽ được lưu trữ tại Công ty theo quy định hiện hành để phục vụ tham khảo, tra cứu và đối chiếu khi cần thiết của các nhà đầu tư, cụ thể:

a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.

Điều 10. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Việc CBTT có thể được tạm hoãn trong trường hợp vì lý do bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác.

2. Công ty phải báo cáo UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện, tình trạng bất khả kháng (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT), đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.

3. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Điều 11. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

1. Các đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động CBTT thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật.

2. Việc xử lý vi phạm về CBTT được thực hiện theo quy định của các cơ quan chức năng về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

3. Giám đốc quyết định các hình thức xử lý vi phạm phù hợp đối với các trường hợp vi phạm về Quy chế công bố thông tin này. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, vượt thẩm quyền giải quyết của Giám đốc, Giám đốc báo cáo HĐQT xử lý vi phạm theo quy định.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. HĐQT quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này trên cơ sở xem xét đề xuất của Giám đốc Công ty, phù hợp với tình hình thực tế về công tác CBTT và/hoặc cập nhật các thay đổi của pháp luật.

3. Các vấn đề, công việc liên quan đến việc CBTT của Công ty không được đề cập trong Quy chế này, và/hoặc có khác biệt giữa các quy định trong Quy chế này và các quy định pháp luật hiện hành, thì các quy định của pháp luật sẽ được ưu tiên áp dụng.

4. Thành viên HĐQT, các Kiểm soát viên, Ban Giám đốc, các Bộ phận, tổ chức, cá nhân có liên quan của Công ty có trách nhiệm thực hiện Quy chế này./.





PHỤ LỤC DANH MỤC THÔNG TIN THỰC HIỆN CÔNG BỐ
 (Bản hành kèm theo Quyết định số 2014 /QĐ-TH-HĐQT ngày 17/11/2023)

| STT | Căn cứ | Danh mục thông tin cần công bố | Yêu cầu về nội dung, biểu mẫu áp dụng | Định dạng tài liệu | Thời hạn CBTT | Đầu mối cung cấp thông tin công bố | Phương tiện CBTT, báo cáo |
|----------|---|--------------------------------|--|--------------------|--|------------------------------------|---|
| A | CÔNG BỐ THÔNG TIN DÀNH CHO ĐỐI TƯỢNG THUỘC ĐIỀU a, c, KHOẢN 2 ĐIỀU 1 THUỘC QUY CHẾ NÀY | | | | | | |
| I | DANH MỤC CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ | | | | | | |
| 1 | Báo cáo tài chính (BCTC) | | | | | | |
| 1.1 | Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC | BCTC năm đã được kiểm toán | <ul style="list-style-type: none"> - BCTC năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. - Nội dung cần công bố bao gồm: + BCTC năm đã được kiểm toán; + Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính; + Văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính; + Văn bản giải trình của Công ty khi xảy ra các trường hợp như nêu tại tiểu mục 1.4 Mục 1, Phụ lục này (khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC) | Bản cứng; Bản mềm. | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. | Phòng TCKT | <ul style="list-style-type: none"> - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội. |
| 1.2 | Khoản 2 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC | BCTC bán niên đã được soát xét | <ul style="list-style-type: none"> - BCTC bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ", trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của công ty, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC. - Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. - Nội dung cần công bố bao gồm: + Toàn văn báo cáo tài chính bán niên; + Kết luận soát xét; + Văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần; + Văn bản giải trình của Công ty khi xảy ra các trường hợp như nêu tại tiểu mục 1.4 mục 1 Phụ lục này (khoản 4 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn của Sở GDCK Hà Nội). | Bản cứng; Bản mềm. | Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính | Phòng TCKT | <ul style="list-style-type: none"> - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội. |

| STT | Căn cứ | Danh mục thông tin cần công bố | Yêu cầu về nội dung, biểu mẫu áp dụng | Định dạng tài liệu | Thời hạn CBTT | Đầu mối cung cấp thông tin công bố | Phương tiện CBTT, báo cáo |
|----------|---|--|---|--------------------|---|------------------------------------|---|
| 1.3 | Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC | BCTC quý/ BCTC quý đã được soát xét | - Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ đang đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC. - Nội dung cần công bố bao gồm: + Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý; + Văn bản giải trình của Công ty khi xảy ra các trường hợp như nêu tại tiểu mục 1.4 mục I Phụ lục này (khoản 4 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC) | Bản cứng; Bản mềm | Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý, cụ thể: - Công bố BCTC Quý I trước 30/4 hàng năm; - Công bố BCTC Quý II trước 30/7 hàng năm; - Công bố BCTC Quý III trước 30/10 hàng năm; - Công bố BCTC Quý IV trước 30/01 hàng năm. | Phòng TCKT | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội. |
| 1.4 | Khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC | Giải trình nguyên nhân khi xảy ra các trường hợp liên quan đến BCTC (năm, bán niên, quý) | Khi công bố các BCTC (năm, bán niên, quý), Công ty phải giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau: a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại; d) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế tại BCTC quý IV đã công bố so với BCTC năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi và ngược lại; e) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên. | Bản cứng; Bản mềm. | Công bố đồng thời theo các BCTC (năm, bán niên, quý). | Phòng TCKT | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội. |
| 2 | Báo cáo thường niên | | | | | | |
| 2.1 | Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC | Báo cáo thường niên | - Mẫu Phụ lục IV, Thông tư 96/2020/TT-BTC; - Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm được kiểm toán. | Bản cứng; Bản mềm | Chậm nhất là 20 ngày, sau ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. | Phòng TCKT | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội. |
| 3 | Báo cáo tình hình quản trị công ty | | | | | | |
| 3.1 | Khoản 4 Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC | Báo cáo tình hình quản trị Công ty 06 tháng | - Mẫu Phụ lục V, Thông tư 96/2020/TT-BTC. | Bản cứng; Bản mềm. | Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm (30/7 hàng năm). | Thư ký Công ty | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; |
| 3.2 | Khoản 4 Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC | Báo cáo tình hình quản trị Công ty Năm | - Mẫu Phụ lục V, Thông tư 96/2020/TT-BTC. | Bản cứng; Bản mềm. | Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch (30/01 hàng năm). | Thư ký Công ty | - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội. |
| 4 | Họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên | | | | | | |

A ✓

| STT | Căn cứ | Danh mục thông tin cần công bố | Yêu cầu về nội dung, biểu mẫu áp dụng | Định dạng tài liệu | Thời hạn CBTT | Đầu mối cung cấp thông tin công bố | Phương tiện CBTT, báo cáo |
|---|--|--|--|--------------------|---|------------------------------------|---|
| 4.1 | Điểm b khoản 4 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT BTC | Việc lập danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên | - Nghị quyết của HĐQT về việc thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền dự họp ĐHĐCD thường niên; - Mẫu 07/THQ (theo Quyết định số 109/QĐ-VSD ngày 20/8/2021 về Ban hành Quy chế về thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán): Thông báo về việc Ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách thực hiện quyền | Bản cứng; Bản mềm. | Tối thiểu 20 ngày, trước ngày đăng ký cuối cùng. | Thư ký Công ty | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội. |
| 4.2 | Khoản 3 Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC | Thông tin về việc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên | - Thông báo mời họp, chương trình họp ĐHĐCD thường niên. Trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCD thường niên, bao gồm: + Phiếu biểu quyết; + Tài liệu họp ĐHĐCD thường niên. Tài liệu họp ĐHĐCD phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có); + Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp... | Bản cứng; Bản mềm. | Tối thiểu 21 ngày, trước ngày khai mạc họp ĐHĐCD. | Thư ký Công ty | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội. |
| 4.3 | Điểm b khoản 3 Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT BTC | Biên bản họp và Nghị quyết họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong Biên bản, Nghị quyết (nếu có) | - Biên bản họp ĐHĐCD thường niên; - Nghị quyết ĐHĐCD thường niên và tài liệu kèm theo trong Biên bản, Nghị quyết (nếu có). | Bản cứng; Bản mềm. | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện. | Thư ký Công ty | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội. |
| II DANH MỤC CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG | | | | | | | |
| 5 Hợp Đại hội đồng Cổ đông bất thường, lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản | | | | | | | |
| 5.1 | Điểm b khoản 4 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT BTC | Công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ đông thực hiện quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường | - Phụ lục VI- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam: Công bố thông tin bất thường; - Nghị quyết của HĐQT về việc thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền dự họp ĐHĐCD bất thường; - Mẫu 07/THQ (theo Quyết định số 109/QĐ-VSD ngày 20/8/2021 về ban hành Quy chế về thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán): Thông báo về việc ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách thực hiện quyền. | | Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng | Thư ký Công ty | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội. |
| 5.2 | Khoản 3 Điều 10, điểm a khoản 3 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC | Thông tin họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường | - Thông báo mời họp, chương trình họp ĐHĐCD bất thường. Trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCD bất thường, bao gồm: + Phiếu biểu quyết; + Tài liệu họp ĐHĐCD bất thường. Tài liệu họp ĐHĐCD phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có); + Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp... | Bản cứng; Bản mềm. | Tối thiểu 21 ngày, trước ngày khai mạc họp. | Thư ký Công ty | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội. |

18/11/2021

10 /

| STT | Căn cứ | Danh mục thông tin cần công bố | Yêu cầu về nội dung, biểu mẫu áp dụng | Định dạng tài liệu | Thời hạn CBTT | Đầu mối cung cấp thông tin công bố | Phương tiện CBTT, báo cáo |
|--|---|--|--|--------------------|--|------------------------------------|---|
| 5.3 | Điểm c khoản 1 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT BTC | Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bất thường | - Phụ lục VI- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam: Công bố thông tin bất thường; - Biên bản họp và tài liệu kèm theo Biên bản; - Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bất thường. | Bản cứng; Bản mềm. | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện. | Thư ký Công ty | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội. |
| 6 Lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản | | | | | | | |
| 6.1 | Điểm a khoản 4 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT BTC | Công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ đông thực hiện quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản | - Phụ lục VI- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam: Công bố thông tin bất thường; - Nghị quyết của HĐQT về việc thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản; - Mẫu 07/THQ (theo Quyết định số 109/QĐ-VSD ngày 20/8/2021 về Ban hành Quy chế về thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán): Thông báo về việc ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách thực hiện quyền. | | Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng | Thư ký Công ty | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội. |
| 6.2 | - Điểm b khoản 3 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Khoản 2 Điều 22 Điều lệ Công ty | Phiếu lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản | - Phiếu lấy ý kiến cổ đông và các tài liệu kèm theo (nếu có); - Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết (nếu có). | | Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại Phiếu lấy ý kiến | Thư ký Công ty | - Website Công ty |
| 6.3 | Điểm c khoản 1 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT BTC | Thông qua Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông đối với vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản | - Phụ lục VI- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam): Công bố thông tin bất thường; - Biên bản kiểm phiếu; - Nghị quyết của ĐHĐCĐ. | Bản cứng; Bản mềm. | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện. | Thư ký Công ty | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội. |
| 7 Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu | | | | | | | |
| 7.1 | Điểm a khoản 4 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT BT | Thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho Cổ đông hiện hữu (không bao gồm thực hiện quyền dự họp ĐHĐCĐ, Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). | - Phụ lục VI- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam): Công bố thông tin bất thường; - Nghị quyết của HĐQT về việc thông qua ngày đăng ký cuối cùng; - Mẫu 07/THQ (theo Quyết định số 109/QĐ-VSD ngày 20/8/2021 về Ban hành Quy chế về thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán tại VSD): Thông báo về việc ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách thực hiện quyền; - Các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho Cổ đông hiện hữu. | Bản cứng; Bản mềm. | Tối thiểu 10 ngày, trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến. | Thư ký Công ty | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội. |

Handwritten signatures and initials at the bottom right of the page.

| STT | Căn cứ | Danh mục thông tin cần công bố | Yêu cầu về nội dung, biểu mẫu áp dụng | Định dạng tài liệu | Thời hạn CBTT | Đầu mối cung cấp thông tin công bố | Phương tiện CBTT, báo cáo |
|-----|---|---|---|--------------------|---|--|---|
| 8 | Các thông tin bất thường khác | | | | | | |
| 8.1 | Điểm 1 khoản 1 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC | Thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ | - Đơn xin từ chức của Người nội bộ (Nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ); - Phụ lục II - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam: Thông báo thay đổi nhân sự; - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC: Bản cung cấp thông tin; - Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HDQT. | Bản cứng; Bản mềm. | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | - Thư ký Công ty; - Phòng TCHC/Tổ QLNS. | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội. |
| 8.2 | Điểm a khoản 2 Điều 10 Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam | Trường hợp có phát sinh thay đổi thông tin của Người nội bộ và người có liên quan của Người nội bộ đã cung cấp theo Phụ lục III Thông tư số 96/2020/TT-BTC | - Công ty báo cáo Sở GDCK Hà Nội theo Mẫu Phụ lục II theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN: Thông báo thay đổi NCLQ của NNB. | Bản cứng; Bản mềm. | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | Người nội bộ | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội |
| 8.3 | Khoản 5 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC | Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố | - Phụ lục VI- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam: Công bố thông tin bất thường; - Văn bản ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 10, khoản 2 và khoản 3 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC | Bản cứng; Bản mềm. | - Đối với Báo cáo tài chính năm: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán; - Đối với Báo cáo tài chính bán niên: Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét | Phòng TCKT | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội. |
| 8.4 | Điểm g khoản 1 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC | - Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi ch.nh sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật) - Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng) - Việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký | - Phụ lục VI- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam): Công bố thông tin bất thường; - Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ/HDQT; - Các tài liệu liên quan kèm theo. - Nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có). | Bản cứng; Bản mềm. | Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện | Phòng TCKT | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội. |
| 8.5 | Khoản 6 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC | Công bố thông tin sau khi thay đổi kỳ kế toán | - Phụ lục VI- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam): Công bố thông tin bất thường; - Báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. | Bản cứng; Bản mềm. | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới. | Phòng TCKT | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội. |



(Handwritten signature and initials)

| STT | Căn cứ | Danh mục thông tin cần công bố | Yêu cầu về nội dung, biểu mẫu áp dụng | Định dạng tài liệu | Thời hạn CBTT | Đầu mối cung cấp thông tin công bố | Phương tiện CBTT, báo cáo |
|------|---|---|--|--------------------|--|---|---|
| 8.6 | Điểm h khoản 1 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT BTC | Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết | - Phụ lục VI- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam): Công bố thông tin bất thường; - Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT - Các tài liệu liên quan kèm theo. - Nếu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có). | Bản cứng; Bản mềm. | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện. | - Phòng TCKT; - Phòng KHĐT; - Thư ký Công ty. | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội. |
| 8.7 | Điểm a khoản 2 Điều 15 Thông tư số 96/2020/TT BTC | Tăng, giảm vốn điều lệ | - Phụ lục VI- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam): Công bố thông tin bất thường; - Nghị quyết, Quyết định ĐHĐCĐ/HĐQT liên quan đến tăng, giảm Vốn điều lệ. | Bản cứng; Bản mềm. | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện. | Thư ký Công ty | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội |
| 8.8 | Điểm b khoản 2 Điều 15 Thông tư số 96/2020/TT BTC | Góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét | - Phụ lục VI- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam): Công bố thông tin bất thường; - Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT, - Các tài liệu liên quan, khác. | Bản cứng; Bản mềm. | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện. | - Phòng TCKT; - Phòng KHĐT; - Thư ký Công ty. | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội |
| 8.9 | Điểm c khoản 2 Điều 15 Thông tư số 96/2020/TT BTC | Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn) | - Phụ lục VI- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam): Công bố thông tin bất thường; - Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT; - Các tài liệu liên quan, khác. | Bản cứng; Bản mềm. | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện. | - Phòng TCKT; - Thư ký Công ty. | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội |
| 8.10 | Điểm m khoản 1 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT BTC | Mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét | - Phụ lục VI- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam): Công bố thông tin bất thường; - Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT; - Các Tài liệu liên quan, khác; - Nếu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có). | Bản cứng; Bản mềm. | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện. | - Phòng TCKT; - Phòng KHĐT; - Thư ký Công ty. | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội |
| 8.11 | Điểm a khoản 1 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT BTC | - Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán - Tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này | - Phụ lục VI- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam): Công bố thông tin bất thường; - Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT; - Các Tài liệu liên quan, khác; - Nếu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có). | Bản cứng; Bản mềm. | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện. | - Phòng TCKT; - Thư ký Công ty. | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội |




| STT | Căn cứ | Danh mục thông tin cần công bố | Yêu cầu về nội dung, biểu mẫu áp dụng | Định dạng tài liệu | Thời hạn CBTT | Đầu mối cung cấp thông tin công bố | Phương tiện CBTT, báo cáo |
|------|---|--|---|--------------------|--|---|--|
| 8.12 | Điểm b khoản 1 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT BTC | <ul style="list-style-type: none"> - Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh - Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động | <ul style="list-style-type: none"> - Phụ lục VI- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam): Công bố thông tin bất thường; - Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT; - Các Tài liệu liên quan, khác; - Nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có). | Bản cứng; Bản mềm. | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện. | Phòng TCHC | <ul style="list-style-type: none"> - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội |
| 8.13 | Điểm đ khoản 1 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC | Quyết định mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu | <ul style="list-style-type: none"> - Phụ lục VI- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam): Công bố thông tin bất thường - Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; - Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT về tách, gộp cổ phiếu; - Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; - Các Tài liệu liên quan kèm theo; - Nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có). | Bản cứng; Bản mềm. | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện. | Thư ký Công ty | <ul style="list-style-type: none"> - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội |
| 8.14 | Điểm e khoản 1 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT BTC | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định về tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty - Thay đổi địa điểm - Thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện - Ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ - Chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty | <ul style="list-style-type: none"> - Phụ lục VI- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam): Công bố thông tin bất thường - Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT; - Các tài liệu liên quan kèm theo; - Nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có). | Bản cứng; Bản mềm. | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện. | <ul style="list-style-type: none"> - Phòng TCHC; - Phòng KHĐT; - Thư ký Công ty. | <ul style="list-style-type: none"> - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội |
| 8.15 | Điểm i khoản 1 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT BTC | Thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty | <ul style="list-style-type: none"> - Phụ lục VI- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam): Công bố thông tin bất thường; - Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT; - Các tài liệu liên quan kèm theo; - Nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có). | Bản cứng; Bản mềm. | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện. | Các Phòng/Xưởng/BD A | <ul style="list-style-type: none"> - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội |

1001/CT-TH/2011

| STT | Căn cứ | Danh mục thông tin cần công bố | Yêu cầu về nội dung, biểu mẫu áp dụng | Định dạng tài liệu | Thời hạn CBTT | Đầu mối cung cấp thông tin công bố | Phương tiện CBTT, báo cáo |
|------|---|--|--|--------------------|--|------------------------------------|--|
| 8.16 | Điểm n khoản 1 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT BTC | Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty. | - Phụ lục VI- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam): Công bố thông tin bất thường; - Quyết định của Cơ quan chức năng Nhà nước; - Nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có) | Bản cứng; Bản mềm. | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện. | Phòng TCHC | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội |
| 8.17 | Điểm o khoản 1 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT BTC | Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế. | - Phụ lục VI- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam): Công bố thông tin bất thường; - Bản án, Quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án; - Nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có). | Bản cứng; Bản mềm. | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện. | Phòng TCHC | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội |
| 8.18 | Điểm p khoản 1 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT BTC | Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp | - Phụ lục VI- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam): Công bố thông tin bất thường; - Thông báo của Tòa án - Nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có). | Bản cứng; Bản mềm. | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện. | Phòng TCHC | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội |
| 8.19 | Điểm d khoản 1 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT BTC | - Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ - Ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu - Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán | - Phụ lục VI- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam): Công bố thông tin bất thường; - Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; - Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ/HDQT; - Các Tài liệu liên quan kèm theo; - Nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có) | Bản cứng; Bản mềm. | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện. | Phòng TCKT | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội |

1
4
5
H
Y
3C
H
11

M
J

| STT | Căn cứ | Danh mục thông tin cần công bố | Yêu cầu về nội dung, biểu mẫu áp dụng | Định dạng tài liệu | Thời hạn CBTT | Đầu mối cung cấp thông tin công bố | Phương tiện CBTT, báo cáo |
|------|---|---|--|--------------------|---|---|--|
| 8.20 | - Điểm k khoản 1 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Điểm d khoản 2 Điều 10 Quyết định số 21/QĐ-SGDVN | Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết | - Phụ lục V- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam: Thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành - Nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ/HĐQT (nếu có); - Các tài liệu liên quan kèm theo; - Báo cáo Kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán; - Báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ; - Báo cáo mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của Cổ đông; - Nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có). | Bản cứng; Bản mềm. | - Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện. Thời điểm công bố thông tin liên quan Thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết thực hiện như sau: + Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán; + Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ; + Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của Cổ đông, Công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin. | Tổ Thư ký | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội |
| 8.21 | Điểm q khoản 1 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC | Xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của Công ty | - Phụ lục VI- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam: Công bố thông tin bất thường; - Nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có). | Bản cứng; Bản mềm. | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện. | - Phòng TCTK; - Thư ký Công ty. | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội |
| 8.22 | Điểm r khoản 1 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC | Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty | - Phụ lục VI- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam): Công bố thông tin bất thường; - Các Tài liệu liên quan, khác; - Nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có). | Bản cứng; Bản mềm. | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện. | - Các Bộ phận liên quan; - Thư ký Công ty. | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội |
| 8.23 | Điểm s khoản 1 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC | Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại SGCK nước ngoài | - Phụ lục VI- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam): Công bố thông tin bất thường; - Văn bản của Cơ quan chức năng Nhà nước, UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội...; - Các tài liệu liên quan, khác; - Nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có). | Bản cứng; Bản mềm. | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện. | Thư ký Công ty. | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội |
| 9 | Thông tin theo yêu cầu, thông tin về các hoạt động khác của Công ty | | | | | | |



M

26

| STT | Căn cứ | Danh mục thông tin cần công bố | Yêu cầu về nội dung, biểu mẫu áp dụng | Định dạng tài liệu | Thời hạn CBTT | Đầu mối cung cấp thông tin công bố | Phương tiện CBTT, báo cáo |
|-----|---|---|--|--------------------|---|------------------------------------|--|
| 9.1 | Điểm a khoản 1 Điều 12 Thông tư số 96/2020/TT BTC | Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư | - Phụ lục VI- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam): Công bố thông tin bất thường; - Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở GDCK Hà Nội yêu cầu công bố; - Nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có). | Bản cứng; Bản mềm. | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở GDCK Hà Nội | - P.TCKT; - Thư ký Công ty. | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội |
| 9.2 | Điểm b khoản 1 Điều 12 Thông tư số 96/2020/TT BT | Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó | - Phụ lục VI- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam): Công bố thông tin bất thường; và các tài liệu dẫn đến giá cổ phiếu tăng trần, giảm sàn 5 phiên liên tiếp | Bản cứng; Bản mềm. | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi giá cổ phiếu tăng trần, giảm sàn từ 5 phiên liên tiếp trở lên. | - P.TCKT; - Thư ký Công ty | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội |
| 9.3 | Công văn 789/SDGHN QLN Y ngày 18/5/2022 | Khi giá cổ phiếu tăng trần hoặc giảm sàn từ năm (5) phiên liên tiếp trở lên thì phải báo cáo, công bố thông tin liên quan đến công ty có ảnh hưởng biến động đến giá cổ phiếu | - Phụ lục VI- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam): Công bố thông tin bất thường; - Thông báo chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai: Mẫu theo Phụ lục số 13, 14, 17, 18, 20 Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2022 hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng; - Báo cáo kết quả đợt chào bán, đợt phát hành chứng khoán, đợt chào mua công khai: Mẫu 21, 22, 23, 28, 29, 32, 33, 39 Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2022; - Văn bản của Công ty liên quan về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán. | Bản cứng; Bản mềm. | Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán. | - P.TCKT; - Thư ký Công ty | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội |
| 9.4 | Khoản 1 Điều 13 Thông tư số 96/2020/TT-BTC | Hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn. | - Phụ lục VI- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam): Công bố thông tin bất thường; - Văn bản của Công ty về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. | Bản cứng; Bản mềm. | Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán. | - P.TCKT; - Thư ký Công ty | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội |
| 9.5 | Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 96/2020/TT-BTC | Tỷ lệ sở hữu nước ngoài | - Phụ lục VI- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam): Công bố thông tin bất thường; - Văn bản của Công ty về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. | Bản cứng; Bản mềm. | Theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. | - P.TCKT; - Thư ký Công ty | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội |

AM

PH

| STT | Căn cứ | Danh mục thông tin cần công bố | Yêu cầu về nội dung, biểu mẫu áp dụng | Định dạng tài liệu | Thời hạn CBTT | Đầu mối cung cấp thông tin công bố | Phương tiện CBTT, báo cáo |
|--|--|--|--|--------------------|--|------------------------------------|--|
| 9.6 | Khoản 3 Điều 13 Thông tư số 96/2020/TT-BTC | Giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ | - Phụ lục VI- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam): Công bố thông tin bất thường; - Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HDQT và các văn bản liên quan về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ; Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu | Bản cứng; Bản mềm. | Theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ. | - P.TCKT; - Thư ký Công ty | - Website Công ty; - Hệ thống IDS pro của UBCKNN; - Hệ thống CIMS của Sở GDCK Hà Nội |
| B CÔNG BỐ THÔNG TIN DÀNH CHO ĐỐI TƯỢNG THUỘC ĐIỂM b KHOẢN 2 ĐIỀU 1 THUỘC QUY CHẾ NÀY | | | | | | | |
| 1 Cổ đông lớn; nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty | | | | | | | |
| 1.1 | Khoản 1 Điều 31 Thông tư số 96/2020/TT-BTC | Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là Cổ đông lớn; nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty (kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán) | Phụ lục VII Thông tư số 96/2020/TT-BTC | Bản cứng; Bản mềm. | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là Cổ đông lớn. | Cổ đông lớn | UBCKNN; Sở GDCK Hà Nội; Công ty. |
| 1.2 | Khoản 2 Điều 31 Thông tư số 96/2020/TT-BTC | Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết (kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán) | Mẫu Phụ lục VIII Thông tư số 96/2020/TT-BTC. | Bản cứng; Bản mềm. | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là Cổ đông lớn. | Cổ đông lớn | UBCKNN; Sở GDCK Hà Nội; Công ty. |
| 1.3 | Khoản 4 Điều 31 Thông tư số 96/2020/TT-BTC | - Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty (kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán) - Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết (kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán) | Phụ lục IX Thông tư số 96/2020/TT-BTC; - Phụ lục X Thông tư số 96/2020/TT-BTC | Bản cứng; Bản mềm. | - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là Cổ đông lớn; ' - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên. | Nhà đầu tư nước ngoài | UBCK NN; Sở GDCK Hà Nội; Công ty. |

| STT | Căn cứ | Danh mục thông tin cần công bố | Yêu cầu về nội dung, biểu mẫu áp dụng | Định dạng tài liệu | Thời hạn CBTT | Đầu mối cung cấp thông tin công bố | Phương tiện CBTT, báo cáo |
|-----|--|---|---|--------------------|---|---|---|
| | Khoản 1 Điều 33 Thông tư số 96/2020/TT-BTC | <p>Trước khi thực hiện giao dịch:</p> <ul style="list-style-type: none"> - NNB của Công ty và NCLQ của NNB phải CBTT và báo cáo cho UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội và Công ty về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu; - Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ Sở GDCK Hà Nội (trừ trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải CBTT được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai). | Phụ lục XIII Thông tư số 96/2020/TT-BTC | Bản cứng; Bản mềm. | Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc. | NNB của Công ty và NCLQ của NNB. | - UBCKNN; - Sở GDCK Hà Nội; - Công ty. |
| | | <p>Sau khi thực hiện giao dịch:</p> <ul style="list-style-type: none"> - NNB của Công ty và NCLQ của NNB phải báo cáo cho UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội và Công ty về kết quả giao dịch, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện cuộc giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có). | - Mẫu Phụ lục XV, Thông tư số 96/2020/TT-BTC; đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có). | Bản cứng; Bản mềm. | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch. | NNB của Công ty và NCLQ của NNB. | - UBCK NN; - Sở GDCK Hà Nội; - Công ty. |
| 2.3 | Khoản 6 Điều 33 Thông tư số 96/2020/TT-BTC | <p>Trường hợp Tổng công ty PTSC hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (công đoàn, đoàn thanh niên...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty thực hiện giao dịch cổ phiếu phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với NNB</p> | - Thực hiện như mục 2.2 | Bản cứng; Bản mềm. | - Thực hiện như mục 2.2 | Tổng công ty PTSC hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty. | - UBCK NN; - Sở GDCK Hà Nội; - Công ty. |
| 2.4 | Khoản 7 Điều 3 Thông tư số 96/2020/TT-BTC | Công ty công bố trên website của Công ty sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của NNB và NCLQ của NNB | - Văn bản của NNB, NCLQ của NNB (theo Mẫu Phụ lục XIII, XV Thông tư số 96/2020/TT-BTC). | Bản cứng; Bản mềm. | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, sau khi nhận được văn bản của NNB, NCLQ của NNB. | Thư ký Công ty. | Website Công ty |



Handwritten signature in blue ink.